

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN NAM SÁCH  
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2023/HNGĐ-ST

Ngày 13/01/2023

"V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con chung"

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM SÁCH, TỈNH HẢI DƯƠNG

**Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Đoàn Thị Thu Thủy.

**Các Hội thẩm nhân dân:** Bà Trịnh Thị Ngọc và ông Nguyễn Đắc Quỳnh.

**Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Mai Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nam Sách.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách:** Bà Nguyễn Thị Nguyễn - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 197/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 28 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1979;

ĐKKHKT: Thôn C, xã Đ, huyện N, Hải Dương.

Chỗ ở hiện nay: Thôn C, xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương.

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1979;

ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn C, xã Đ, huyện N, tỉnh Hải Dương.

Đều vắng mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

Về quan hệ vợ chồng: Chị và anh Nguyễn Văn V kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện N, tỉnh Hải Dương vào ngày 01/12/1999. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng 05 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống sinh hoạt và việc làm ăn kinh tế gia đình. Vợ chồng nợ nần nhiều, kinh tế khó

khăn nên dẫn đến thường xuyên xảy cãi nhau. Anh V không cho chị làm ăn, ghen tuông vô cớ. Do mâu thuẫn gia đình nên chị thường xuyên phải về nhà bố mẹ sống vài ngày cho khỏi khổ, sau đó vì các con và hạnh phúc gia đình chị lại quay về sống cùng anh V. Đến khoảng tháng 8/2022 do anh V ghen tuông vô cớ dẫn đến mâu thuẫn trầm trọng chị không thể chịu đựng được nữa nên đã về nhà bố mẹ để sống, anh V cũng không đến tìm gặp, nói chuyện với chị để khắc phục mâu thuẫn. Đến nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống được cùng nhau nên đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh V.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là Nguyễn Văn K, sinh ngày 26/10/2000 và Nguyễn Thị Hương G, sinh ngày 15/02/2006, hiện nay cháu K đã thành niên không có nhược điểm về thể chất và tâm thần nên chị không yêu cầu giải quyết. Còn cháu G đang sống cùng với anh V nên để ổn định và theo nguyện vọng của cháu chị đồng ý giao cháu G cho anh V tiếp tục nuôi dưỡng, chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh V.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

*Theo biên bản ghi lời khai, bị đơn anh Nguyễn Văn V trình bày:* Anh đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập của Tòa án nhưng do anh làm nghề lao động tự do, công việc rất bận nên không đến Tòa án làm việc được. Anh xác nhận việc anh với chị N xác lập quan hệ hôn nhân như chị N trình bày là đúng. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh bắt gặp chị N có nói chuyện với người đàn ông khác, anh hỏi chuyện thì chị N cho rằng anh ghen tuông kiểm soát chị nên chị N đã về nhà bố mẹ để sống. Sau đó anh có gọi điện thoại bảo chị N về còn không đến gặp hay đón chị N, vì theo anh chị N tự đi thì phải tự về. Hiện anh chị đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Anh đã tìm cách khắc phục mâu thuẫn và bảo chị N về nhưng chị N không về nên anh đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị N, cho chị N ly hôn. Anh đề nghị được vắng mặt tất cả các buổi làm việc và tại phiên tòa.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 02 con chung là Nguyễn Văn K, sinh ngày 26/10/2000 và Nguyễn Thị Hương G, sinh ngày 15/02/2006, hiện nay cháu K đã thành niên không bị nhược điểm về thể chất và tâm thần nên anh không yêu cầu giải quyết. Còn cháu G đang sống cùng với anh nên anh đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng cháu G và không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh không yêu cầu giải quyết.

*Theo biên bản ghi lời khai, cháu Nguyễn Thị Hương G trình bày:* Từ khi bố mẹ sống ly thân đến nay cháu ở cùng với bố nên cháu có nguyện vọng được tiếp tục ở với bố là Nguyễn Văn V

*Theo lời khai của những người làm chứng:*

Bà Trần Thị N1 (mẹ đẻ chị N) trình bày: Quá trình vợ chồng anh V, chị N chung sống có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng trong cuộc sống hàng ngày và việc làm ăn kinh tế gia đình nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Anh V là người gia trưởng, ghen tuông, thích kiểm soát vợ. Trong thời gian anh chị chung sống nhiều lần chị N phải bỏ về nhà bà sống, nhưng sau đó được gia đình động viên và nghĩ cho con nên chị N lại về sống cùng với anh V. Tuy nhiên sau khi về chung sống vợ chồng lại cãi nhau. Đến nay bà đề nghị Toà án giải quyết cho chị N được ly hôn với anh V để chị N ổn định cuộc sống.

Ông Nguyễn Văn B (bố đẻ anh V) trình bày: Ông xác định quá trình vợ chồng anh V chị N chung sống có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do đầu thì ông không nắm được vì anh chị ấy ăn ở riêng. Sau khi thấy chị N bỏ về nhà đẻ sống, do ông bà đã tuổi cao, đi lại khó khăn nên cũng không đến nhà đẻ chị N để nói chuyện với chị N được. Đến nay chị N và anh V có chung sống được với nhau hay không là do anh chị ấy tự quyết định, ông không có ý kiến gì.

*Theo xác minh tại thôn C (ông Phạm Văn D trưởng thôn) cung cấp:* Quá trình anh V, chị N sống tại địa phương luôn chấp hành tốt quy định của thôn và chính sách, pháp luật của nhà nước, tuy nhiên trong đời sống riêng, vợ chồng chung sống có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân cụ thể mâu thuẫn của vợ chồng anh V ông không nắm được nhưng theo dư luận phản ánh là do anh V chơi bời, ghen tuông. Sau khi ông thấy chị N bỏ về nhà đẻ ông có sang động viên anh V tìm đón chị N về, nhưng anh V không nghe và bảo chị N tự đi phải tự về.

Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng các thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đương sự và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt chị Ngân và anh Văn là đúng pháp luật. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Luật phí và lệ phí 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án. Xử cho chị Nguyễn Thị N ly hôn Nguyễn Văn V. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Thị Hương G, sinh ngày 15/02/2006 cho anh Nguyễn Văn V tiếp tục nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác, chấp nhận sự tự nguyện của anh V không yêu cầu chị N cấp dưỡng tiền

nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên, bị đơn đều xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị N, bị đơn anh Nguyễn Văn V được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt chị N, anh V.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn V kết hôn tuân thủ các điều kiện kết hôn của Luật Hôn nhân và Gia đình nên xác nhận là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ lời khai của chị N, anh V và lời khai của người làm chứng có đủ cơ sở xác định: Quá trình chung sống chị N và anh V xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do không bắt đồng quan điểm, lối sống, tính cách. Anh V không tin tưởng chị N khiến cho cuộc sống hôn nhân căng thẳng, chị N đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở C, A, N sống ly thân với anh V. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh V đến làm việc và tham gia phiên hòa giải nhưng anh V đều vắng mặt chứng tỏ anh V có thái độ bỏ mặc, không mong muốn hòa giải để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng. Chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn anh V. Tại biên bản ghi lời khai ngày 30/12/2022 anh V trình bày “Tôi đã gọi điện báo chị N về nhưng chị N không về. Đến nay tôi không thể giữ được người muốn đi nên Tòa án cứ giải quyết theo nguyện vọng xin ly hôn của chị N” (BL 49). Nên có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn của chị N, anh V đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị N ly hôn anh V.

[2] Về quan hệ con chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn V có 02 con chung là Nguyễn Văn K, sinh ngày 26/10/2000 và Nguyễn Thị Hương G, sinh ngày 15/02/2006. Đối với con chung Nguyễn Văn K đã trên 18 tuổi, không bị nhược điểm về thể chất và tâm thần nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với con chung Nguyễn Thị Hương G hiện đang ở cùng anh V, anh V có nguyện vọng được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con. Phù hợp với quan điểm của chị N và cháu G, nên HĐXX chấp nhận yêu cầu của các đương sự, giao con chung Nguyễn Thị Hương G, sinh ngày 15/02/2006 cho anh V tiếp tục nuôi dưỡng, chị N không phải cấp dưỡng nuôi con vì anh V không yêu cầu.

[3] Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn V đều xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị N xin ly hôn, nên phải chịu án phí sơ thẩm dân sự theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Luật phí và lệ phí 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng: Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 17 Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho chị Nguyễn Thị N ly hôn anh Nguyễn Văn V.

2. *Về con chung:* Giao con chung là Nguyễn Thị Hương G, sinh ngày 15/02/2006 cho anh Nguyễn Văn V tiếp tục nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác, chấp nhận sự tự nguyện của anh V không yêu cầu chị N cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Chị N có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

3. *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí sơ thẩm dân sự, được đối trừ với 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí chị Ngân đã nộp tại biên lai số AA/2021/0001471 ngày 10/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Sách, chị N đã nộp đủ án phí.

Nguyên, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết./.

#### **Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát huyện Nam Sách;
- Chi cục THA dân sự huyện Nam Sách;
- UBND xã Đ, H. N;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**( Đã ký)**

**Đoàn Thị Thu Thuý**